TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 21/2026/TLST-VDS ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Phạm Văn O, sinh năm 1989;

Số căn cước công dân: 089089016280

Nơi thường trú: tổ A, ấp A, xã Ô, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: phòng số 66, cơ sở trọ Võ Văn T, tổ E, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Võ Thúy H, sinh năm 1991;

Số căn cước công dân: 096191008142

Nơi thường trú: tổ A, ấp A, xã Ô, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: phòng số A, nhà trọ Nguyễn Văn M, tổ D, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C (nay là xã T), tỉnh Cà Mau, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 21/3/2016. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông O và bà H là hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông O và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã

thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H có 01 con chung là Phạm Quốc T1, sinh ngày 07/4/2018. Ông O và bà H thống nhất để bà H được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không O (20/3/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung là Phạm Quốc T1, sinh ngày 07/4/2018 cho bà Võ Thúy H trực tiếp nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Phạm Văn O và bà Võ Thúy H mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số

tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014771 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Cái Nước (nay là xã Tân Hưng), tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Trung